

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC: 2024 - 2025**  
**ĐỘ TUỔI 24 - 36 THÁNG TUỔI**

**I. MỤC TIÊU- NỘI DUNG.**

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
<b>I. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>				
<b>1. Phát triển vận động</b>				
<i>a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>				
1	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra: thổi bóng, gà trống gáy, thổi nơ, còi tàu... - Tay: + Hai tay giơ cao (lắc bàn tay), hạ xuống + Đưa 2 tay ra phía trước kết hợp lắc bàn tay, + Đưa tay sang ngang (lắc bàn tay), hạ xuống + Đưa 2 tay ra sau kết hợp với lắc bàn tay + Đưa 2 tay lên cao, sang ngang kết hợp với lắc bàn tay + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Nghiêng người sang phải, trái + Vặn người sang 2 bên +Cúi người xuống, đứng thẳng người lên + Ngửa người ra phía sau + Gà mổ thóc - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Bật tại chỗ + Đứng nhún chân + Co duỗi từng chân	1 -> 9	
<i>b) Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</i>				
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc	* <b>Đi, chạy</b> - Đi theo hiệu lệnh <sup>(1)</sup> - Đi trong đường hẹp <sup>(2)</sup> - Đi có mang đồ chơi trên tay <sup>(6)</sup> - Chạy theo hướng thẳng <sup>(5)</sup>	1->9	

3	<p>đi trong đường hẹp có bê vật trên tay</p> <p>- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay- mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2m.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy đổi hướng<sup>(9)</sup></li> <li>- Đứng co 1 chân<sup>(8)</sup></li> <li>- Đi bước vào các ô<sup>(3)</sup></li> <li>- Đi kết hợp với chạy<sup>(7)</sup></li> <li>- Đi bước qua gậy kê cao<sup>(4)</sup></li> <li>- Đi theo đường ngoằn ngoèo<sup>(9)</sup></li> <li>- Bước lên xuống bậc cao 15cm<sup>(9)</sup></li> <li>- Bước lên xuống bậc có tay vịn<sup>(6)</sup></li> </ul> <p><b>* Tung, bắt</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bắt “bóng” cùng cô<sup>(7)</sup></li> <li>- Tung bóng bằng hai tay<sup>(5)</sup></li> <li>- Tung bóng qua dây<sup>(6)</sup></li> </ul> <p><b>* Ném</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném bóng về phía trước<sup>(1)</sup></li> <li>- Ném bóng vào đích<sup>(3)</sup></li> </ul>	1,3,5, 6, 7	
4	<p>- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.</p>	<p><b>*Bò, trườn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng<sup>(2)</sup></li> <li>- Bò chui qua cổng<sup>(1)</sup></li> <li>- Bò qua vật cản<sup>(8)</sup></li> <li>- Trườn qua vật cản<sup>(7)</sup></li> <li>- Bò thẳng hướng theo đường hẹp<sup>(3)</sup></li> <li>- Trườn chui qua cổng<sup>(5)</sup></li> <li>- Bò theo đường ngoằn ngoèo<sup>(4)</sup></li> </ul>	1->5, 7,8	
5	<p>- Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)</p>	<p><b>* Ném</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném xa 1 tay<sup>(4)</sup></li> </ul> <p><b>* Nhún bật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật tại chỗ<sup>(1)</sup></li> <li>- Bật qua vạch kẻ<sup>(2)</sup></li> <li>- Bật xa bằng 2 chân<sup>(6)</sup></li> <li>- Nhún bật về phía trước<sup>(8)</sup></li> </ul>	1,2,4, 6,8	
<p><i>c, Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt</i></p>				
6	<p>Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo" :</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, múa khéo.</li> </ul>	2	
7	<p>Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ:</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây (<i>xâu vòng tay; xâu chuỗi đeo cổ, cài cởi cúc áo, áo cóm, kéo khóa</i>)</li> <li>- Rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé</li> <li>- Tập cầm bút tô, vẽ (<i>vẽ tổ chim</i>)</li> <li>- Nhào đất nặn;</li> <li>- Nhón nhặt đồ vật.</li> </ul>	1 - 9	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng cọc bàn gỗ</li> <li>- Chắp ghép hình</li> <li>- Chồng, xếp 6-8</li> <li>- Lật mở trang sách</li> </ul>		
<p><b>2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.</b></p> <p><i>a. Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</i></p>				
8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thích nghi với chế độ với chế độ ăn cơm, các loại thức ăn khác nhau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau của địa phương: cá, thịt lợn, thịt bò, rau, canh..</li> <li>- <i>Một số quyền được sống còn của trẻ</i></li> </ul>	1,2	
9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ ngủ 1 giấc ngủ trưa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa 140 -150 phút.</li> <li>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ngủ</li> </ul>	1,2,3	
10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh</li> </ul>	1,2,3	
<p><i>b. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</i></p>				
11	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)</li> <li>- Tập tự phục vụ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xúc cơm, uống nước.</li> <li>+ Đi vệ sinh</li> <li>+ Đánh răng</li> <li>+ Chuẩn bị chỗ ngủ: lấy gối.</li> </ul> </li> <li>- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn; <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn</li> </ul> </li> <li>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Trải nghiệm giáo dục tuần lễ dinh dưỡng</i></li> </ul> </li> <li>- Tập tự phục vụ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xúc cơm, uống nước.</li> <li>+ Đi vệ sinh</li> <li>+ Đánh răng</li> <li>+ Chuẩn bị chỗ ngủ: lấy gối.</li> </ul> </li> <li>- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn; <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn</li> </ul> </li> <li>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.</li> </ul>	2,3,4	

12	Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh:	- Mặc quần áo ấm khi trời lạnh; đội nón mũ khi đi trời nắng.....	2,4	
<b>c. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</b>				
13	- Trẻ biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: dao, kéo, vật sắc nhọn, bình nước nóng,... - Nhận biết những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần ở trường lớp mầm non: (Bể nước, nhà kho, nơi mất vệ sinh, ô điện, các vật sắc nhọn....)	1,3, 4, 9	
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ..) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh ( <i>leo trèo lên lan can, đu bám giá đồ chơi, xô đẩy bạn, đóng mở cửa, kéo, với các vật trên cao...</i> )	1, 4, 5, 8, 9	
<b>II. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b>				
<b>1. Luyện tập các giác quan và phối hợp các giác quan</b>				
15	- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. -Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn nhẵn - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt, mặn, chua).	1- 4,6,8, 9	
16	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ chơi, đđ của bản thân bạn trai: bóng, ô tô...bạn gái; búp bê, nấu ăn.. - Đồ chơi, đồ dùng của nhóm lớp	1,3,4	

	thuộc	mẫu giáo		
<b>2. Nhận biết</b>				
17	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân, bạn trai, bạn gái. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.	1->3	
18	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân (trải nghiệm sự kì diệu của 1 số giác quan)	2	
19	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật của một số đồ chơi ở trường, lớp - Tên và đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi mà bé yêu thích - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau quen thuộc - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của 1 số loại hoa quen thuộc - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của 1 số loại quả quen thuộc - Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi: xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay, khinh khí cầu - Tên, đặc điểm nổi bật của 1 số đồ dùng trong gia đình; ở lớp mẫu giáo. - Tên, đặc điểm nổi bật về 1 số đồ chơi trung thu (trải nghiệm bé vui tết trung thu) - Tên, đặc điểm nổi bật về 1 số đồ chơi dân gian, một số hoạt động trong ngày tết cổ truyền (Trải nghiệm tết nguyên đán) - Tên, đặc điểm nổi bật về 1 số loại bánh trong ngày tết cổ truyền. - Tên một số món ăn trong ngày tết cổ truyền	1,3->9	

		- <i>Trang phục của mùa hè</i>		
20	- Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu	- Nhận biết màu đỏ, xanh, vàng	4, 5, 8	
21	- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu	+ Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian ( trên- dưới - trước - sau) so với bản thân trẻ - Số lượng( một - nhiều), đếm vệt - Trải nghiệm về biểu tượng số đếm, kích thước, màu sắc, hình dạng)	2,4, 5, 6,7,8,9	
<b>III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b>				
<b>1. Nghe hiểu lời nói</b>				
22	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”	- Nghe lời nói có tình cảm sắc thái khác nhau. - Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói	4,5,9	
23	- Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đấy?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào?”...)	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”	4->9	
24	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Lắng nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn - Chú ý nghe khi người lớn đọc sách - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý từ cô giáo - Lật mở sách, xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh	3->9	
<b>2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng, các câu.</b>				
25	- Trẻ phát âm rõ tiếng. - Trẻ biết sử dụng	- Trẻ phát âm rõ các tiếng . - Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ dân tộc	1-> 9	

26	<p>đúng từ ngữ và câu bằng Tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng</li> </ul>		
<p><b>3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp</b></p>				
27	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.</li> <li>- Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chào hỏi, trò chuyện.</li> <li>+ Bày tỏ nhu cầu của bản thân.</li> <li>+ Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “cái gì đây?”....</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài</li> <li>- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau</li> <li>- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “cái gì đây?”....</li> <li>+ Chào hỏi, trò chuyện với cô, với bạn, với người thân.</li> <li>+ Hồn nhiên bày tỏ nhu cầu của bản thân</li> <li>- <i>Quyền được tham gia</i></li> </ul>	5, 9	
28	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “cái gì đây?”....</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chào hỏi, trò chuyện với cô, với bạn, với người thân.</li> <li>+ Hồn nhiên bày tỏ nhu cầu của bản thân</li> </ul>	1,4,5,6,7,8	
29	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn</li> </ul>	3,8	
<p><b>IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</b></p>				
<p><b>1. Phát triển tình cảm</b></p>				
30	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, tuổi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân (bạn trai: tóc ngắn, mặc quần áo; bạn gái: tóc dài buộc nơ, mặc váy).</li> </ul>	2	
31	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở thích của bản thân (đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình) và điều mình không thích</li> </ul>	4	
32	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận</li> </ul>	2, 6, 7	
33	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt</li> </ul>			

	cử chỉ			
<b>2. Phát triển kỹ năng xã hội</b>				
34	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	- Giao tiếp với những người xung quanh, gia đình..	7	
35	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi; bắt chước tiếng kêu, gọi	- Quan tâm đến các vật nuôi gần gũi, gọi tên, bắt chước tiếng kêu: Con mèo, con gà, con chó...	6	
36	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”.	1->3; 7->9	
37	- Trẻ thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Thể hiện một số hành vi qua việc chơi thao tác vai ( bế em, cho em ăn, nấu cho em ăn, nghe điện thoại... - <i>Quyền được tham gia vui chơi</i>	1->,9	
38	- Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cào cấu bạn	1, 4, 9	
39	- Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo như: ngồi vào ghế, đi vệ sinh, đi dép... - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định, ăn xong cất bát vào rổ, vớt rác vào thùng rác... - <i>Quyền được bảo vệ</i>	1-> 9	
<b>3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</b>				
40	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau - Nghe, nhận biết âm thanh của các nhạc cụ: xắc xô, phách tre, mõ, trống, đàn organ... - Nghe âm thanh trong thiên nhiên: tiếng nước chảy " róc rách", tiếng mưa rơi "tí tách"... - Nghe làn điệu dân ca của địa phương (dân ca Thái, dân ca	1-> 9	



41	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc), xâu vòng</li> </ul>	<p>Xá...) những bài hát ru...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.</li> <li>- Vẽ các đường nét khác nhau, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc (vẽ tổ chim, vẽ cuộn len)</li> <li>- Nặn: xoay tròn, lăn dọc</li> <li>- Xé giấy vụn, vò giấy</li> <li>- Xếp hình từ các khối gỗ, các vật liệu trong thiên nhiên.</li> <li>- Xem tranh, ảnh</li> <li>- <i>Quyền được phát triển của trẻ</i></li> </ul>	1-> 9	
----	--	---	-------	--

*Giáo dục STEM/STEAM phù hợp điều kiện thực tế của lớp- trường*

**BAN GIÁM HIỆU**  
(Ký duyệt)

Ngày 23 tháng 08 năm 2024  
**NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

**Nguyễn Hương Giang**

**Nguyễn Thị Thanh Loan**

**II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ**  
**Năm học: 2024 - 2025**

<b>Thời gian (tháng từ ngày... đến ngày...)</b>	<b>STT</b>	<b>Chủ đề</b>	<b>Chủ đề nhánh</b>	<b>Số tuần</b>	<b>Lễ/hội</b>	<b>Điều chỉnh bổ sung</b>
4 tuần từ ngày (09/09 đến ngày 4/10/24)	1	Bé vui đến trường – Tết trung thu	Ôn định tổ chức, rèn nề nếp	2 tuần (Từ 26/8 - 6/9)	Khai giảng (thứ 5 ngày 5/9) - Tết trung thu (Thứ 3 ngày 17/9)	Tổ chức toàn trường
			Bé yêu các cô giáo	1 tuần (Từ 9/9 - 13/9)		
			Tết trung thu	1 tuần (Từ 16/9 - 20/9)		
			Bé yêu các bạn trong lớp	1 tuần (23/9 - 27/9)		
			Đồ chơi ở lớp MN	1 tuần (30/9 - 4/10)		
4 tuần (7/10 đến 1/11)	2	Bé giới thiệu về mình	Bé là ai	1 tuần (7/10 - 11/10)		
			Cơ thể diệu kì của bé	2 tuần (14/10 - 25/10)		
			Tuần lễ dinh dưỡng	1 tuần (28/10 - 1/11)		
4 tuần (4/11 đến 29/11)	3	Gia đình - Ngày hội của cô giáo	Mẹ và những người thân yêu	2 tuần (4/11 - 15/11)	Ngày nhà giáo VN 20/11	Tổ chức trải nghiệm theo lớp
			Ngày hội của cô giáo	1 tuần (18/11 - 22/11)		
			Đồ dùng trong gia đình bé	1 tuần (25/11 - 29/11)		
4 tuần (2/12 đến 27/12)	4	Đồ dùng, đồ chơi của bé	Đồ chơi yêu thích của bé	2 tuần (2/12 - 13/12)		
			Đồ dùng của bé	2 tuần (16/12 - 27/12)		
4 tuần (30/12/24 đến 7/2/25)	5	Tết và mùa xuân	Bé chuẩn bị đón tết	1 Tuần (30/12 - 3/1/25)		
			Ngày tết vui vẻ	1 tuần (6/1 - 10/1)		
			Ôn tập, trải nghiệm tết	13/1-17/1		

			Bé đi chúc tết	1 tuần (20/1 - 24/1)	Tết nguyên đán	Tổ chức trải nghiệ m toàn trường
			NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN TỪ NGÀY 27/1 đến 2/2/2025			
			Mùa xuân tươi đẹp	1 tuần (3/2 - 7/2)		
4 tuần (10/02 đến 7/3)	6	PTGT- Ngày 8/3-	PTGT đường bộ	1 tuần (10/2 - 14/2)	Trải nghiệm ngày 8/3	Trải nghiệ m theo lớp
			PTGT đường bộ	1 tuần (17/02 - 21/2)		
			Bé biết gì về máy bay	1 tuần (24/2 - 28/2)		
			Ngày 8/3	1 tuần (3/3 - 7/3)		
4 tuần (10/03 đến 4/4)	7	Cây và những bông hoa đẹp	Những bông hoa đẹp	1 tuần ( 10/3 -14/3)		
			Những loại quả ngon	2 tuần (17/3 – 28/3)		
			Vườn rau của bé	1 tuần ( 31/3 – 4/4)		
4 tuần (7/4 đến 2/5)	8	Những con vật bé yêu	Một số vật nuôi trong gia đình	2 tuần (7/4 - 18/4)		
			Con vật sống dưới nước	1 tuần (21/4 - 25/4)		
			Con vật sống trong rừng	1 tuần (28/4 - 2/5)		
3 tuần (5/5 đến 23/5/25 )	9	Mùa hè - Bé lên mẫu giáo	Mùa hè đến rồi	2 tuần (5/5 - 16/5)	- Ngày QT thiếu nhi 1/6	Tổ chức toàn trường
			Bé lên mẫu giáo	1 tuần (19/5 - 23/5)		
<b>Tổng</b>				<b>35</b>		

